

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhẹ nhờ đà hồi phục của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Cả 4 HĐTL đều tăng điểm trong phiên hôm nay

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

BID, HAG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn ở mức cân bằng và cân nhắc đóng dần các vị thế ngắn hạn trong các phiên sắp tới tại các vùng kháng cự của các mã cổ phiếu riêng lẻ

11/12/2019

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	961.78	+0.15
VN30	878.27	+0.59
HĐTL VN30	884.00	+0.80
HNXIndex	102.38	+0.33
HNX30	180.25	+0.63
UPCoM	55.40	+0.07
USD/VND	VND23,175	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.51	+0
Lãi suất qua đêm (%)	4.04	-8
Dầu (WTI, \$)	59.24	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,466.72	+0.16



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 961.78 (+0.15%)
KLGD (triệu CP) 159.0 (-4.0%)
GTGD (triệu US\$) 189.2 (-12.6%)

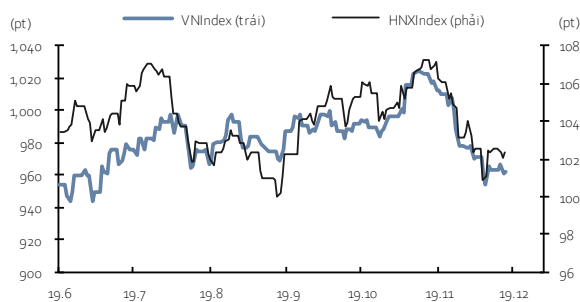
HNXIndex 102.38 (+0.33%)
KLGD (triệu CP) 14.6 (-51.1%)
GTGD (triệu US\$) 7.1 (+7.2%)

UPCoM 55.40(+0.07%)
KLGD (triệu CP) 6.3 (-25.7%)
GTGD (triệu US\$) 5.1(+15.8%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -7.0

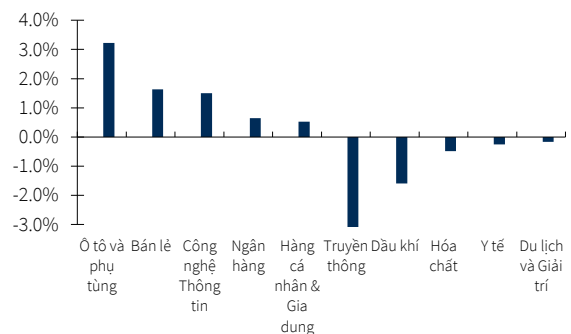
TTCK Việt Nam có phiên tăng điểm nhẹ nhờ đà hồi phục của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn về cuối phiên (VNM, VCB, GAS, BID...), tương tự như diễn biến các thị trường trong khu vực trước thông tin Mỹ sẽ tạm hoãn đánh thuế vào hàng hóa Trung Quốc ngày 15/12 tới đây. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có diễn biến tích cực hơn so với thị trường chung. Xét riêng trong rổ cổ phiếu VN30 có 18 mã tăng và 5 mã giảm điểm. Đáng chú ý, nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao tiếp tục tăng mạnh, có thể thấy ở FIT, HAR, HAI, AMD... Khỏi nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng ngày hôm nay, tập trung ở ITA, PVD, MSN, KBC...

VN Index & HNX Index



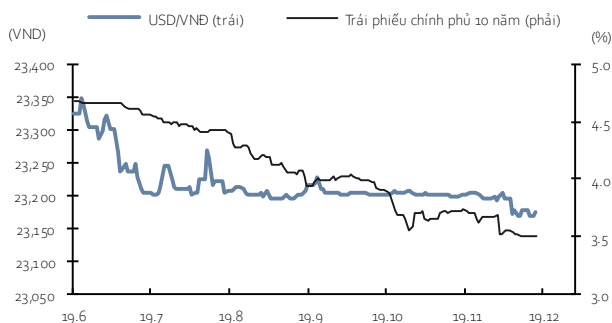
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

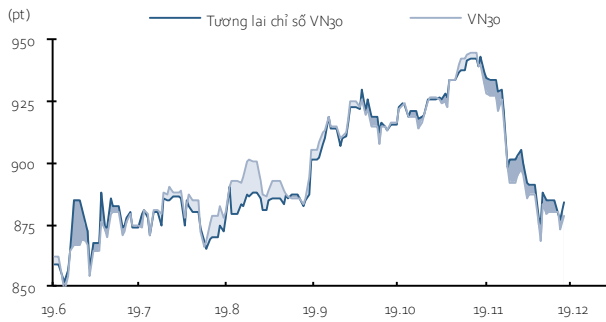
Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30 878.27 (+0.59%)
VN30 tương lai 884.0 (+0.80%)
Mở cửa 877.0
Cao nhất 884.0
Thấp nhất 870.6

Cả 4 HĐTL đều tăng điểm trong phiên hôm nay, phù hợp với diễn biến tăng của chỉ số VN30 Index. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ, tập trung chủ yếu ở HĐ F1912, trong khi khối lượng HĐ mở giảm. Chênh lệch giữa các HĐ tương lai và chỉ số VN30 Index được nới rộng ra, quanh mức 6-12 điểm.

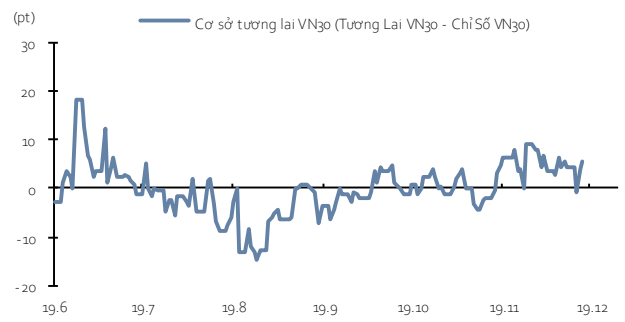
Hợp đồng 48,171 (-48.5%)
KL HĐ mở OI 18,486 (-3.8%)

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



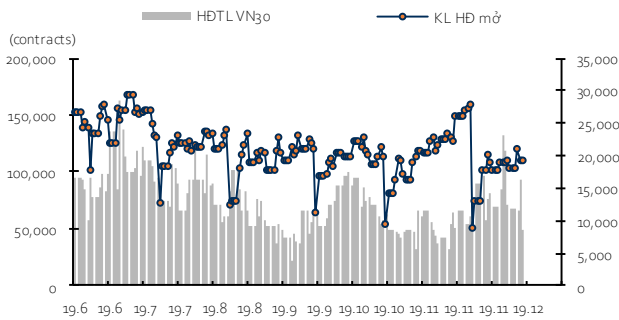
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



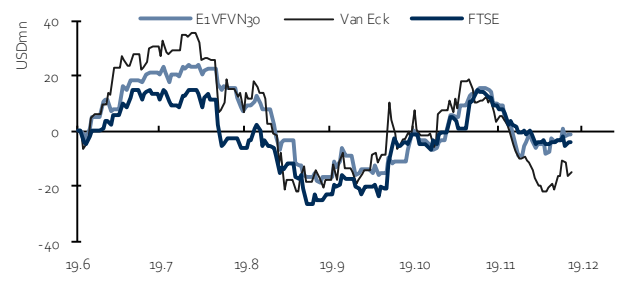
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

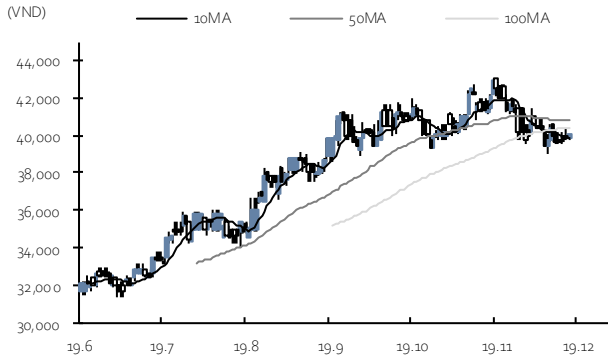
Quy mô các quỹ ETF lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BID)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BID tăng 0.5% lên mức 40,100 VND/cp
- Mới đây, NHNN đã ban hành quyết định chấp thuận cho BID áp dụng Thông tư 41/2016 về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đối với các tổ chức tín dụng theo chuẩn Basel II từ ngày 1/12. Như vậy, BID là NH thứ 18 ở Việt Nam đạt chuẩn Basel II sau khi NH này tăng vốn thành công, thông qua việc phát hành 15% cổ phần cho KEB Hana Bank.

CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAG tăng 3.6% lên mức 4,040 VND/cp.
- Mới đây, HĐQT HAG đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 248.5 triệu cp, tương ứng 99.4% vốn điều lệ, tại CTCP Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai (Thủy điện HAGL). Phía HAG cho biết, đây là bước đi nhằm đẩy mạnh công tác tái cấu trúc tập đoàn, thoái vốn khỏi những lĩnh vực không hiệu quả để tập trung vào mảng nông nghiệp. Tính đến cuối tháng 9/2019, HAG ghi nhận giá gốc đầu tư vào Thủy điện HAGL là hơn 2,532 tỷ đồng, trong đó gần 1,378 tỷ đồng đã được thực hiện trích lập dự phòng.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

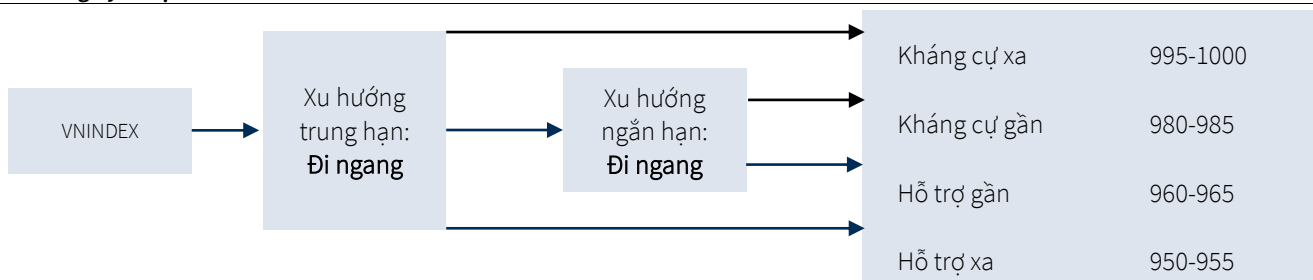
Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Sau khi tiếp tục rung lắc trong nửa đầu phiên giao dịch, VNIndex đã đảo chiều thành công như dự báo, với lực cầu bắt đáy gia tăng mạnh mẽ về cuối phiên.
- Cơ hội hồi phục tiếp tục được duy trì với sự hình thành của mẫu nến tích cực Hammer. Trong trường hợp không có biến cố gì quá lớn trên TTCK Thế giới, chúng tôi kỳ vọng VNIndex sẽ tiếp nối nhịp hồi phục với đích đến/vùng kháng cự kế tiếp tại 974-980 điểm
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn ở mức cân bằng và cân nhắc đóng dần các vị thế ngắn hạn trong các phiên sắp tới tại các vùng kháng cự của các mã cổ phiếu riêng lẻ, đồng thời tham chiếu 1 phần vùng kháng cự của chỉ số chung.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Tương tự VNIndex, chỉ số VN30 cũng có phiên đảo chiều mạnh mẽ như dự báo, qua đó, tạo ra mẫu nến đảo chiều Piercing.
- Độ lệch dương mở rộng cho thấy tâm lý NĐT đã quay lại trạng thái tích cực.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ trạng thái LONG theo trend với vùng đích kỳ vọng kế tiếp tại 890-895 của VN30. Việc kết hợp mở thêm 1 phần tỷ trọng LONG intraday tại các vùng hỗ trợ trên khung giờ vẫn có thể được áp dụng nếu TT Thế giới không xảy ra biến cố lớn.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

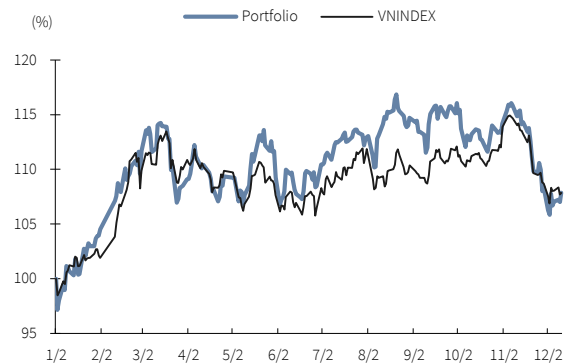
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNINDEX.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều.

	VN Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.15%	0.8%
Tăng lũy kế (YTD)	7.9%	7.9%

So Sánh hiệu suất với VN Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 10/12/2019	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	113	1.8%	0.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	28	0.4%	3.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	84	1.6%	11.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	22	3.3%	7.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đẩy nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	37	0.5%	12.5%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	57	1.8%	54.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Gemadept Corp (GMD)	22/08/2018	23	0.0%	-5.4%	- Hoạt động kinh doanh chính kỳ vọng tăng trưởng trở lại - Dự án Nam Đình Vũ giai đoạn 1 thúc đẩy tăng trưởng doanh thu - Màng logistic sẽ tăng trưởng với sự hỗ trợ từ đối tác CJ Logistic
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	18	-0.8%	-5.4%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Màng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24	0.0%	4.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	17	-0.6%	-1.7%	- Hàng loạt các dự án dầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VRE	0.3%	32.7%	41.1
E1VFN30	1.9%	98.8%	7.1
DXG	4.0%	45.3%	6.9
TCH	5.8%	4.4%	4.5
VJC	0.1%	19.7%	4.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-1.6%	39.9%	-57.5
SGN	-2.9%	15.1%	-44.3
VHM	-0.4%	3.1%	-21.9
PVD	-1.4%	15.0%	-14.9
KBC	-1.7%	6.8%	-13.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	5.2%	2.1%	2.2
PVS	-0.6%	54.3%	0.4
TIG	-7.0%	17.4%	0.3
BII	11.1%	5.6%	0.2
BVS	0.0%	0.2%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	1.7%	10.2%	-2.9
HUT	0.0%	4.9%	-0.6
PLC	0.0%	3.2%	-0.4
NET	-9.7%	20.7%	-0.1
IVS	-3.7%	21.8%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	3.4%	HPG, NKG
Công nghệ Thông tin	1.7%	FPT, SAM
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.4%	PNJ, TLG
Bảo hiểm	1.4%	BVH, PGI
Ô tô và phụ tùng	1.1%	DRC, HHS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-7.4%	YEG, PNC
Hóa chất	-6.2%	NHH, PHR
Dầu khí	-4.1%	PLX, GAS
Du lịch và Giải trí	-2.4%	HVN, VJC
Dịch vụ tài chính	-1.5%	HCM, SSI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	10.1%	TCH, DRC
Tài nguyên Cơ bản	7.0%	HPG, DTL
Y tế	2.9%	DCL, IMP
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.2%	AST, LGC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.5%	VJC, DSN

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-23.3%	YEG, PNC
Dầu khí	-8.5%	PLX, GAS
Hóa chất	-8.4%	NHH, PHR
Thực phẩm và đồ uống	-8.3%	MSN, SAB
Bán lẻ	-6.9%	FRT, DGW

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	115,900	390,418 (16,845)	44,198 (1.9)	21.9	74.6	43.9	44.1	6.1	8.1	5.0	4.5	0.0	0.3	-2.5	21.6
	VHM	VINHOMES JSC	91,100	305,141 (13,166)	205,748 (8.9)	34.0	16.5	11.3	34.4	31.4	34.9	4.9	3.4	-0.4	-0.8	-7.7	24.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	35,000	81,509 (3,517)	177,256 (7.6)	16.3	29.4	23.1	8.5	9.6	10.7	2.7	2.5	0.3	2.6	0.9	25.4
	NVL	NOVA LAND INVES	56,000	53,147 (2,293)	19,747 (0.9)	31.4	18.3	17.3	-4.3	14.6	12.1	2.3	-	1.4	-0.7	-3.6	-12.8
	KDH	KHANGDIENHOUSE	26,750	14,563 (628)	8,533 (0.4)	4.5	15.7	12.0	20.7	12.9	15.0	2.0	1.8	-0.2	0.0	-0.2	5.4
	DXG	DAT XANH GROUP	14,200	7,473 (318)	26,428 (1.1)	3.7	5.2	4.9	3.3	18.6	18.2	0.9	0.9	4.0	1.4	-12.9	-24.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	85,900	318,593 (13,746)	51,567 (2.2)	6.2	19.4	15.2	24.5	24.4	24.4	3.9	3.1	0.6	1.4	-5.9	60.6
	BID	BANK FOR INVESTM	40,100	161,283 (6,959)	28,145 (1.2)	12.1	25.6	18.3	15.9	12.9	14.1	2.1	1.9	0.5	-0.6	-2.9	16.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,700	79,453 (3,428)	35,320 (1.5)	0.0	8.4	7.2	8.5	16.8	16.5	1.3	1.1	1.3	-3.2	-9.7	-12.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	19,850	73,910 (3,189)	69,553 (3.0)	0.7	9.9	8.0	30.5	10.8	13.4	1.0	0.9	-1.0	-2.9	-9.6	2.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	19,250	46,330 (1,999)	27,269 (1.2)	0.0	6.1	5.0	13.6	20.5	20.8	1.1	0.9	1.0	-2.5	-12.1	-3.5
	MBB	MILITARYCOMMERC	21,800	50,700 (2,188)	91,841 (4.0)	0.0	6.8	5.9	18.3	21.2	21.0	1.3	1.1	3.3	-1.8	-7.0	21.0
	HDB	HDBANK	28,000	27,468 (1,185)	45,767 (2.0)	6.2	8.6	7.4	12.8	18.7	19.5	1.5	1.3	1.1	2.6	-5.4	-7.6
	STB	SACOMBANK	10,050	18,127 (782)	25,750 (1.1)	11.3	8.3	6.2	56.6	8.6	10.3	0.7	0.6	0.0	-0.5	-6.9	-15.9
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,000	17,358 (749)	4,117 (0.2)	0.0	7.0	5.4	33.5	21.8	22.4	1.4	1.1	-0.9	-4.1	-7.1	5.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	16,700	20,532 (886)	2,493 (0.1)	0.0	26.7	26.0	9.4	5.1	8.0	1.3	1.3	0.0	-0.6	-9.2	18.9
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	68,000	47,660 (2,056)	9,390 (0.4)	23.7	39.5	29.7	19.2	8.3	9.6	2.8	2.6	0.4	1.8	-7.6	-23.6
	BMI	BAOMINHINSURANC	25,100	2,293 (099)	1,448 (0.1)	11.5	26.9	-	-	7.9	-	1,007.6	-	0.0	-2.3	-6.0	21.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	19,000	9,653 (416)	26,869 (1.2)	44.4	3.7	3.4	51.4	10.5	11.1	0.8	0.7	-1.0	-4.0	-12.4	-28.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	31,500	5,177 (223)	4,038 (0.2)	62.6	-	-	-	14.4	16.5	-	-	-0.9	-5.5	-7.4	-32.3
	HCM	HOCHIMINH CITY	22,700	6,935 (299)	23,525 (1.0)	42.7	7.9	6.4	15.7	12.5	15.3	-	-	-0.4	-6.0	-9.2	-4.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	13,900	2,899 (125)	3,338 (0.1)	8.5	9.4	7.2	-	9.8	12.7	-	-	0.0	0.4	-2.1	-15.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	118,600	206,527 (8,911)	132,451 (5.7)	41.4	21.2	20.0	6.9	38.7	38.1	7.4	6.7	0.3	-0.2	-8.3	-1.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	233,100	149,483 (6,450)	8,997 (0.4)	36.7	29.6	24.1	25.1	33.5	36.0	8.8	7.7	0.0	1.0	-8.6	-12.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	55,700	65,110 (2,809)	70,827 (3.1)	9.6	14.5	12.4	-1.7	13.9	14.5	1.9	1.7	-1.6	-10.9	-25.2	-28.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,450	16,019 (691)	4,399 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	-	-0.3	-0.3	-2.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	143,900	75,380 (3,252)	64,410 (2.8)	10.3	13.8	11.8	6.4	38.0	37.3	4.7	3.6	0.1	-1.1	0.8	19.9
	GMD	GEMADEPT CORP	22,900	6,800 (293)	5,360 (0.2)	0.0	12.4	11.5	-44.5	9.5	9.7	1.1	1.1	0.0	-2.6	-9.1	-12.4
	CII	HOCHIMINH CITY	22,500	5,576 (241)	7,515 (0.3)	18.9	11.0	10.0	147.6	11.0	12.2	-	-	-1.5	-0.9	-6.6	-14.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	24,100	13,679 (590)	752,470 (32.4)	45.5	-	-	-	-	-	-	-	0.4	-0.4	-5.1	-37.7
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,900	9,716 (419)	14,637 (0.6)	33.1	8.0	10.0	-2.5	13.2	13.3	1.5	1.4	0.0	-0.5	-4.8	3.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	62,500	4,768 (206)	5,070 (0.2)	1.2	7.1	7.5	-30.7	8.6	7.8	0.6	0.5	-0.5	0.0	-14.4	-60.9
	REE	REE	36,800	11,410 (492)	24,754 (1.1)	0.0	6.5	6.3	1.1	16.8	15.9	1.1	0.9	0.5	1.4	-2.3	19.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	98,100	187,758 (8,101)	33,983 (1.5)	45.4	15.6	15.5	2.4	25.9	25.7	3.9	3.6	0.2	-1.2	-5.9	13.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,500	6,477 (279)	7,245 (0.3)	30.1	8.8	8.4	-0.1	20.1	20.3	1.8	1.7	0.0	-0.2	-2.2	-8.5
	PPC	PHALAI THERMAL	28,400	9,105 (393)	9,607 (0.4)	32.9	10.1	9.9	-13.3	16.5	16.3	1.6	1.6	-1.9	3.8	9.9	56.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,400	67,370 (2,907)	141,126 (6.1)	11.1	9.2	7.3	7.0	16.9	18.2	1.4	1.2	0.0	4.1	7.0	2.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	13,200	5,166 (223)	3,271 (0.1)	30.0	20.0	12.2	-18.4	3.6	6.0	0.6	0.6	0.8	3.1	-3.6	-40.8
	DCM	PETROCA MAU FER	6,640	3,515 (152)	1,112 (0.0)	46.5	8.8	10.7	-	6.4	5.3	0.6	0.6	0.5	-2.4	-7.8	-35.5
	HSG	HOA SENG GROUP	8,320	3,521 (152)	38,509 (1.7)	31.4	9.3	7.1	-6.4	6.7	8.0	0.6	0.5	-0.8	2.7	12.9	40.6
	AAA	AN PHAT PLASTIC	14,000	2,397 (103)	31,980 (1.4)	37.1	6.3	6.3	49.2	16.4	16.3	0.8	0.8	0.7	0.7	-9.4	-4.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	54,700	65,137 (2,810)	13,198 (0.6)	6.6	16.7	16.2	10.2	19.4	20.0	3.0	3.1	-1.6	-4.0	-7.4	3.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	14,450	6,085 (263)	24,115 (1.0)	28.2	37.8	27.4	21.2	1.3	1.8	0.5	0.4	-1.4	-4.9	-12.4	8.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,400	4,616 (199)	7,441 (0.3)	17.2	10.2	7.1	3.1	13.2	13.4	0.9	0.8	-0.6	-2.4	-4.1	4.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	113,000	50,024 (2,158)	79,361 (3.4)	0.0	13.4	10.7	25.6	34.4	32.1	4.1	3.1	1.8	0.0	-7.3	29.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	84,100	18,718 (808)	33,090 (1.4)	0.0	16.9	14.1	20.7	27.8	28.2	4.1	3.3	1.6	2.1	-0.7	20.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	37,800	1,115 (048)	1,189 (0.1)	67.7	-	22.8	-40.0	-4.1	3.6	0.8	0.8	-3.1	-7.8	-26.3	-83.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	27,100	2,140 (092)	2,877 (0.1)	1.3	6.6	6.2	0.9	26.2	23.1	1.5	1.3	0.0	-0.6	-33.6	-56.7
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	51,500	6,978 (301)	23,620 (1.0)	42.2	6.5	6.4	31.3	30.8	35.3	2.3	2.0	-4.3	-6.4	-11.1	54.0
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	95,300	12,460 (538)	1,092 (0.0)	45.6	20.9	19.6	4.0	20.1	20.0	3.7	3.5	-0.2	1.8	1.5	20.6
IT	PME	PYME PHARCO JSC	54,800	4,111 (177)	361 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.7	1.9	-0.4	-13.7
	FPT	FPT CORP	56,500	38,323 (1,653)	95,949 (4.1)	0.0	12.1	10.3	24.3	24.0	24.7	2.5	2.2	1.8	2.0	-5.8	47.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

